

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/10/2019

*“V/v ly hôn, nuôi con
và tranh chấp nợ chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Anh Hiến

Ông Nguyễn Xuân Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Đại- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con và nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Kim T**, sinh năm 1991; trú tại: Số X đường N, phường T, thị xã H, tỉnh T. Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1989; trú tại: TDP X, phường H, thị xã H, tỉnh T. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Đặng Thị Diệu H**, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh T. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các biên bản hòa giải, chị Hoàng Thị Kim T trình bày: Chị với anh Nguyễn Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Hương Văn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị T, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống; vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 4 năm 2018 đến nay. Bản thân chị T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể đoàn tụ chung sống được nữa, không ai quan tâm chăm

sóc gì đến nhau nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 28/3/2012. Hiện nay cháu Q đang ở với anh H. Chị T đồng ý giao cháu Q cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị T không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có mượn của chị Đặng Thị Diệu H số tiền 38.500.000 đồng để làm ăn. Đây là khoản nợ chung của vợ chồng nên chị T yêu cầu mỗi người trả một nửa.

Bị đơn anh Nguyễn Minh H trình bày:

Quá trình đi đến hôn nhân và những mâu thuẫn đúng như chị T trình bày. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh H đồng ý thỏa thuận của chị T. Anh H trực tiếp nuôi cháu Quân đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H khai không biết chị T vay mượn khoản tiền 38.500.000đ này vào mục đích gì. Anh H cho rằng anh không ký giấy vay, không trực tiếp nhận tiền nên không có trách nhiệm trả nợ chung.

Chị Đặng Thị Diệu H (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Anh H gọi chồng tôi là cậu ruột, do có quan hệ bà con nên tôi có cho vợ chồng anh H chị T mượn một số tiền để làm ăn và mua mô tô đi lại. Đến nay họ còn nợ 38.500.000đ. Trong đó có một lần Hoàng ra mượn 10.000.000đ, còn lại là chị T mượn. Nay chị H yêu cầu vợ chồng anh H, chị T phải trả hết số tiền này.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi nghị án Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công nhận thuận tình ly hôn cho các đương sự. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Q cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Đề nghị chị T, anh H có trách nhiệm trả khoản nợ chung cho chị H là 38.500.000đ, trong đó chị T phải trả 19.250.000đ, anh H phải trả 19.250.000đ

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị T và anh H phải chịu án phí tranh chấp theo quy định. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Hằng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Minh H có địa chỉ, thị xã H, tỉnh T, nay có tranh chấp nên Tòa án xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Kim T và anh Nguyễn Minh H là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị T anh H thuận tình ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

[3] Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Nguyễn Minh Quân, sinh ngày 28/3/2012 cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Không có ai yêu cầu nên Tòa án không phải giải quyết.

[5] Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị T khai có mượn của chị Đặng Thị Diệu H số tiền 38.500.000 đồng để kinh doanh buôn bán. Chị yêu cầu hai vợ chồng phải trả khoản nợ chung này. Anh H không đồng ý vì cho rằng anh không biết và không vay khoản này.

Tại phiên tòa, qua đối chất, chị H khẳng định anh H đã ra nhà chị mượn 10.000.000đ, còn lại là chị T mượn, tổng số tiền nợ là 38.500.000đ. Chị T xác nhận việc có vay mượn một số tiền để mở cửa hàng bán gas, mua xe mô tô cho anh H đi lại là đúng thực tế, anh H biết rõ điều này. Do đó, có cơ sở để xác định việc chị T, anh H mượn tiền của chị Hằng là nhằm mục đích mua xe và làm ăn kinh doanh, nên cần buộc hai vợ chồng phải có nghĩa vụ trả nợ khoản tiền này.

Vì vậy việc chị H yêu cầu vợ chồng chị T, anh H có trách nhiệm trả khoản nợ trên, mỗi người phải trả cho chị Hằng số tiền 19.250.000đ là có căn cứ, phù hợp với Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí ly hôn: Chị Hoàng Thị Kim T phải chịu theo quy định.

Về án phí tranh chấp dân sự: Chị T, anh H mỗi người phải chịu 962.500đ (19.250.000đ x 5%)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58; 60 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Kim T và anh Nguyễn Minh H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Quân, sinh ngày 28/3/2012 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị T không

phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị Diệu H. Buộc Chị Hoàng Thị Kim T và anh Nguyễn Minh H có trách nhiệm trả nợ cho chị Hằng số tiền 38.500.000 đồng. Trong đó, chị T phải trả cho chị H số tiền 19.250.000 đồng, anh H phải trả cho chị H số tiền 19.250.000 đồng.

4. Về án phí ly hôn: Chị Hoàng Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp (BL số 7438 ngày 04/3/2019 của Chi cục THADS thị xã Hương Trà). Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn

5. Về án phí tranh chấp dân sự: Chị T phải chịu 962.500 đồng, anh H phải chịu 962.500 đồng.

Hoàn trả cho chị Đặng Thị Diệu H số tiền tạm ứng án phí 962.500 đồng (BL số 007234 ngày 23/5/2019 của Chi cục THADS thị xã Hương Trà).

6. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên bị thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với khoản chậm trả theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với khoản tiền chưa thi hành cho đến khi thi hành án xong.

7. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND TX. Hương Trà;
- Chi cục THADS TX. Hương Trà;
- UBND phường Hương Văn;
- Lưu HS, VTLT.

Vũ Văn Minh